



dú yè
毒液

noun · venom

Example Sentences

shé de dú yè hěn wēi xiǎn
蛇的毒液很危险。

Snake venom is very dangerous.

zhè zhǒng zhī zhū de dú yè kě yǐ má bì liè wù
这种蜘蛛的毒液可以麻痹猎物。

This spider's venom can paralyze its prey.

kē xué jiā zhèng zài yán jiū zhè zhǒng dú yè de zhì liáo yòng tú
科学家正在研究这种毒液的治疗用途。

Scientists are studying the therapeutic uses of this venom.

Trace each character, then write the word on your own.

毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒
毒										

液	液	液	液	液	液	液	液	液	液	液
液	液	液								